

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt Chương trình quan trắc và giám sát chất lượng  
môi trường tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2022 - 2025**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 30/11/2020;*

*Căn cứ Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14 /02/ 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường;*

*Căn cứ Quyết định số 14/2019/QĐ-UBND ngày 15/3/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành bộ đơn giá quan trắc phân tích môi trường trên địa bàn tỉnh;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại văn bản số 4451/STNMT-MT ngày 03/11/2021,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Chương trình quan trắc và giám sát chất lượng môi trường tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2022 - 2025; với các nội dung chính như sau:

**1. Tên chương trình:** Chương trình quan trắc và giám sát chất lượng môi trường tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2022 - 2025.

**2. Cơ quan chủ trì:** Sở Tài nguyên và Môi trường

**3. Cơ quan thực hiện:** giao Sở Tài chính căn cứ quy định tại Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ, các quy định hiện hành và điều kiện thực tiễn thống nhất với Sở Tài nguyên và môi trường tham mưu UBND tỉnh theo quy định.

**4. Mục tiêu:** thiết lập được mạng lưới quan trắc chất lượng môi trường

tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2022 - 2025 đảm bảo yêu cầu:

- Theo dõi diễn biến tình trạng môi trường nước, không khí, đất, trầm tích trên địa bàn tỉnh theo thời gian và không gian với những số liệu được cập nhật thường xuyên và chính xác.

- Đánh giá mức độ ô nhiễm theo từng vùng, từng khu vực; diễn biến chất lượng môi trường theo thời gian.

- Đánh giá mức độ ô nhiễm tại các khu vực “nhạy cảm” do ảnh hưởng của nguồn thải, phạm vi tác động, diễn biến theo thời gian.

- Phản ánh các vấn đề ô nhiễm đặc thù của các thành phần môi trường ở từng vùng, từng khu vực trong tỉnh và nhận định các nguyên nhân gây ô nhiễm.

- Cung cấp các số liệu, thông tin cần thiết về tình trạng môi trường phục vụ công tác quản lý, hoạch định chính sách; cung cấp các số liệu, thông tin cho việc xây dựng Báo cáo hiện trạng môi trường tỉnh hàng năm, 05 năm theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường.

### 5. Nội dung thực hiện:

Chương trình quan trắc và giám sát chất lượng môi trường tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2022 - 2025, bao gồm:

- Chương trình quan trắc chất lượng môi trường nước mặt: 61 điểm; 24 thông số quan trắc/điểm (*pH*, *nhiệt độ*, *hàm lượng oxy hòa tan (DO)*, *tổng chất rắn lơ lửng (TSS)*, *nhu cầu oxy sinh hóa (BOD<sub>5</sub>)*, *nhu cầu oxy hóa học (COD)*, *nitrat (NO<sub>3</sub><sup>-</sup>-N)*, *amonit (NH<sub>4</sub><sup>+</sup>-N)*, *photphat (PO<sub>4</sub><sup>3-</sup>-P)*, *tổng sắt (Fe)*, *clorua (Cl)*, *florua (F)*, *coliform*, *xyanua (CN)*, *tổng dầu mỡ*, *asen (As)*, *cadimi (Cd)*, *crom VI (Cr<sup>VI</sup>)*, *chì (Pb)*, *thủy ngân (Hg)*, *kẽm (Zn)*, *đồng (Cu)*, *mangan (Mn)*, *chất hoạt động bề mặt*); tần suất quan trắc 06 đợt/năm.

- Chương trình quan trắc chất lượng môi trường nước dưới đất: 47 điểm; 20 thông số quan trắc/điểm (*pH*, *TDS*, *độ cứng*, *KMnO<sub>4</sub>*, *amonit (NH<sub>4</sub><sup>+</sup>-N)*, *clorua (Cl)*, *florua (F)*, *nitrit (NO<sub>2</sub><sup>-</sup>-N)*, *nitrat (NO<sub>3</sub><sup>-</sup>-N)*, *sunfat (SO<sub>4</sub><sup>2-</sup>)*, *xyanua (CN)*, *asen (As)*, *chì (Pb)*, *cadimi (Cd)*, *crom VI (Cr<sup>VI</sup>)*, *mangan (Mn)*, *sắt tổng số (Fe)*, *coliform*, *đồng (Cu)*, *thủy ngân (Hg)*); tần suất quan trắc 04 đợt/năm.

- Chương trình quan trắc chất lượng môi trường nước biển ven bờ 15 điểm và quan trắc ở mỗi điểm:

- + 06 thông số quan trắc: *pH*, *DO*, *tổng chất rắn lơ lửng (TSS)*, *amonit (NH<sub>4</sub><sup>+</sup>-N)*, *photphat (PO<sub>4</sub><sup>3-</sup>-P)*, *dầu mỡ khoáng*; tần suất quan trắc 06 đợt/năm;

- + 13 thông số quan trắc: *crom VI (Cr<sup>VI</sup>)*, *sắt tổng số (Fe)*, *mangan (Mn)*, *tổng phenol*, *coliform*, *đồng (Cu)*, *chì (Pb)*, *cadimi (Cd)*, *thủy ngân (Hg)*, *kẽm (Zn)*, *florua (F)*, *asen (As)*, *xyanua (CN)*); tần suất quan trắc 04 đợt/năm.

- Chương trình quan trắc chất lượng môi trường không khí xung quanh, tiếng ồn và độ rung 56 điểm; 12 thông số quan trắc/điểm (*nhiệt độ*, *áp suất*, *tổng bụi lơ lửng (TSP)*, *độ ẩm*, *tốc độ gió*, *hướng gió*, *tiếng ồn (mức âm tương đương và mức âm cực đại)*, *SO<sub>2</sub>*, *NO<sub>2</sub>*, *CO*, *độ rung (gia tốc rung)*); tần suất quan trắc 06 đợt/năm.

- Chương trình quan trắc chất lượng môi trường đất: 17 điểm; 06 thông số quan trắc/điểm (*đồng (Cu), cadimi (Cd), chì (Pb), kẽm (Zn), asen (As), tổng crom (Cr)*); tần suất quan trắc 02 đợt/năm.

- Chương trình quan trắc chất lượng trầm tích 12 điểm:

+ Đối với trầm tích nước mặn, lợ: 07 điểm; 06 thông số quan trắc/điểm (*đồng (Cu), cadimi (Cd), kẽm (Zn), asen (As), thủy ngân (Hg), tổng crom (Cr)*); tần suất quan trắc 02 đợt/năm;

+ Đối với trầm tích nước ngọt: 05 điểm; 14 thông số quan trắc/điểm (*đồng (Cu), cadimi (Cd), kẽm (Zn), asen (As), thủy ngân (Hg), tổng crom (Cr), chlordan, DDD, DDE, DDT, dieldrin, endrin, lindan, heptachlor epoxide*); tần suất quan trắc 02 đợt/năm;

- Vị trí các điểm quan trắc: Tại phụ lục kèm theo Quyết định này.

## **6. Khái toán kinh phí thực hiện:**

6.1 Từ năm 2022 đến 2025, thực hiện chương trình quan trắc chất lượng môi trường theo mạng lưới với kinh phí khoảng: 7.796.957.662 đồng/năm (*chưa bao gồm thuế VAT*).

(*Giao sở Tài chính thẩm định, tham mưu UBND tỉnh phê duyệt cụ thể cho từng năm đảm bảo đúng quy định*).

## **6.2. Nguồn kinh phí dự kiến:**

Kinh phí tổ chức thực hiện được lấy từ nguồn sự nghiệp môi trường hàng năm của tỉnh và huy động thêm nguồn vốn hỗ trợ của trung ương và các nguồn vốn khác.

**7. Địa điểm triển khai:** Chương trình quan trắc được triển khai trên địa bàn 13 huyện, thành phố, thị xã thuộc tỉnh Hà Tĩnh (*chi tiết vị trí các điểm quan trắc tại phụ lục kèm theo Quyết định này*).

**8. Thời gian thực hiện:** Từ năm 2022 đến năm 2025.

## **9. Tổ chức thực hiện:**

- Sở Tài nguyên và Môi trường:

+ Xây dựng kế hoạch, đề cương, nhiệm vụ và nhu cầu kinh phí hàng năm để tổ chức thực hiện chương trình quan trắc và giám sát chất lượng môi trường tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2022-2025;

+ Giao Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường triển khai thực hiện việc quan trắc và phân tích môi trường theo chương trình được phê duyệt, lập báo cáo quan trắc môi trường định kỳ, xây dựng bộ cơ sở dữ liệu quan trắc và phân tích môi trường.

+ Giám sát việc thực hiện của Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường, thẩm định nghiệm thu kết quả thực hiện, sử dụng kết quả quan trắc môi trường phục vụ công tác quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường.

- Sở Tài chính bố trí đủ kinh phí từ nguồn ngân sách sự nghiệp môi trường để thực hiện công tác quan trắc các thành phần môi trường theo mạng lưới đã được phê duyệt.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và các đơn vị liên quan xem xét, tổng hợp danh mục các dự án để thực hiện chương trình quan trắc vào kế hoạch đầu tư công trung hạn địa phương giai đoạn 2022-2025 theo đúng quy định.

- Sở Nội vụ căn cứ kế hoạch hàng năm chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và các sở, ngành liên quan đào tạo nhân lực, nâng cao trình độ cho đội ngũ quan trắc viên; tham mưu bố trí biên chế quan trắc môi trường.

- Các Sở, ngành liên quan căn cứ vào chức năng nhiệm vụ phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường triển khai thực hiện Chương trình quan trắc, khai thác sử dụng số liệu về quan trắc môi trường phục vụ cho công tác quản lý nhà nước. Hàng năm, căn cứ thực trạng, nhu cầu thực tế xem xét đề xuất thay đổi, bổ sung các vị trí quan trắc để hoàn thiện mạng lưới quan trắc phù hợp với quy hoạch phát triển chung của tỉnh và thực tế hiện trạng môi trường.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 31/12/2021 và thay thế Quyết định số 4140/QĐ-UBND ngày 03/12/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt chương trình quan trắc và giám sát chất lượng môi trường giai đoạn 2021-2025.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch đầu tư, Tài chính, Nội vụ; Giám đốc Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 2;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Phó VP (phụ trách);
- Trung tâm CB - TH tỉnh;
- Lưu: VT, NL<sub>2</sub>.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Đặng Ngọc Sơn**



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**PHỤ LỤC**  
**VỊ TRÍ CÁC ĐIỂM QUAN TRẮC CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG**  
**TRÊN ĐỊA BÀN HÀ TĨNH GIAI ĐOẠN 2022 – 2025**

*(Kèm theo Quyết định số 37/16/QĐ-UBND ngày 17/11/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

TT	KHU VỰC	VỊ TRÍ QUAN TRẮC	KINH ĐỘ	VĨ ĐỘ
I	<b>VỊ TRÍ CÁC ĐIỂM QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG NƯỚC MẶT</b>			
1	TP. Hà Tĩnh	Hồ Bồng Sơn, phường Nam Hà	105°54'30.8"Đ	18°19'43.86"B
2		Sông Cày đoạn chảy qua xã Thạch Trung	105°52'34.3"Đ	18°22'43.8"B
3		Sông Rào Cái tại cầu Phủ, phường Đại Nài	105°54'45.2"Đ	18°19'10.6"B
4		Sông Rào Cái tại cầu Thạch Đồng, xã Đồng Môn	105°55'45.8"Đ	18°22'32.1"B
5		Sông Cụt tại cầu Tre, phường Tân Giang	105°54'54.5"Đ	18°20'30.1"B
6	Thạch Hà	Sông Già tại chân cầu Già, xã Thạch Liên	105°48'16.4"Đ	18°25'05.7"B
7		Sông Nghèn tại cống Đò Điện, xã Thạch Sơn	105°51'59.5"Đ	18°24'53.9"B
8	Can Lộc	Sông Nghèn tại cầu Thuận Thiện, thị trấn Nghèn	105°47'41.5"Đ	18°27'28.9"B
9		Trước cống xả chính đập Nhà Đường, xã Thiên Lộc	105°46'37.4"Đ	18°30'15.1"B
10		Trước cống xả chính hồ Vực Trống, xã Phú Lộc.	105°39'34.8"Đ	18°24'42.7"B
11		Trước cống xả chính hồ Khe Trúc, xã Thiên Lộc	105°45'30.1"Đ	18°30'30.9"B
12	TX. Hồng Lĩnh	Kênh Nhà Lê tại cống Trung Lương, P. Trung Lương.	105°40'01.7"Đ	18°33'39.4"B
13		Kênh nhà Lê tại cầu Đức Thịnh I, xã Thanh Bình Thịnh	105°41'06.2"Đ	18°31'44.0"B
14		Khe Nhà Trò, phường Đậu Liêu	105°43'33.44"Đ	18°30'28.74"B



TT	KHU VỰC	VỊ TRÍ QUAN TRẮC	KINH ĐỘ	VĨ ĐỘ
15		Trước cống xả chính hồ Thiên Tượng phường Bắc Hồng	105°42'43.2"Đ	18°32'32.5"B
16		Hồ Đá Bạc, phường Đậu Liêu	105°44'13.7"Đ	18°32'14.4"B
17		Sông Nghèn tại cầu Thuận Lộc, xã Thuận Lộc	105°41'49.4"Đ	18°30'01.8"B
18	Đức Thọ	Tại kênh 19/5, xã Bùi La Nhân	105°36'47.8"Đ	18°31'43.5"B
19		Hồ Bình Hà (hồ Khe Lang), xã An Dũng	105°38'04.9"Đ	18°26'43.1"B
20		Sông La tại cầu Linh Cảm II, xã Tùng Ảnh	105°33'17.2"Đ	18°31'45.0"B
21	Nghị Xuân	Sông Mỹ Dương tại cầu Cương Gián, xã Cương Gián	105°50'30.3"Đ	18°33'29.6"B
22		Trước cống xả chính hồ Xuân Hoa, xã Cổ Dạm	105°47'46.2"Đ	18°34'19.5"B
23	Lộc Hà	Sông Ớn tại Cầu Trù, xã Phù Lưu	105°50'56.2"Đ	18°27'19.1"B
24		Đập Khe Hao, xã Hồng Lộc	105°50'34.3"Đ	18°31'24.2"B
25		Sông Nghèn tại cầu Cửa Sốt, xã Hộ Độ	105°54'20.1"Đ	18°24'18.1"B
26	Hương Sơn	Sông Ngàn Phố, đoạn cấp nước cho thị trấn Phố Châu	105°25'18.1"Đ	18°30'46.3"B
27		Suối Rào Qua tại điểm cấp nước cho thị trấn Tây Sơn	105°18'20.2"Đ	18°27'59.9"B
28		Sông Ngàn Phố đoạn chảy qua xóm Tân Hồ, xã Tân Mỹ Hà	105°32'33.3"Đ	18°32'37.8"B
29		Suối Rào An cách điểm hợp lưu với suối Nước Sốt khoảng 200m, xã Sơn Kim 1	105°13'17.5"Đ	18°25'19.1"B
30		Suối Rào Mắc tại cầu Rào Mắc, xã Sơn Kim 1	105°14'15.2"Đ	18°26'41.9"B
31	Hương Khê	Trước cống xả chính hồ Đá Hàn, xã Hòa Hải	105°34'55.2"Đ	18°15'49.8"B
32		Hồ Bình Sơn, thị trấn Hương Khê	105°42'11.6"Đ	18°10'37.6"B
33		Sông Tiêm tại điểm cấp nước cho nhà máy nước Hương Khê	105°42'47.8"Đ	18°10'19.5"B
34		Điểm đầu Sông Ngàn Sâu đoạn qua xã Hương Trạch	105°49'11.7"Đ	18° 3'38.9"B
35	Vũ Quang	Sông Ngàn Trươi cách điểm hợp lưu với sông Ngàn Sâu khoảng 300m về phía thượng nguồn xã Đức Liên	105°36'14.0"Đ	18°21'51.4"B
36		Cống xả chính (Cống tuyến TN1) của hồ thủy lợi Ngàn Trươi Cẩm Trang, thị trấn Vũ Quang	105°29'20.6"Đ	18°23'17.9"B

TT	KHU VỰC	VỊ TRÍ QUAN TRẮC	KINH ĐỘ	VĨ ĐỘ
37		Sông Ngàn Trươi (tại trạm bơm cấp nước sinh hoạt cho thị trấn Vũ Quang), thị trấn Vũ Quang	105°30'13.4"Đ	18°23'15.8"B
38		Trước tràn đập dâng Vũ Quang, thị trấn Vũ Quang	105°31'00.9"Đ	18°22'50.3"B
39		Khe Trươi tại cầu Khe Trươi (đường Hồ Chí Minh), xã Thọ Điền	105°28'43.5"Đ	18°23'58.2"B
40	Cầm Xuyên	Hồ Thượng Tuy, xã Cầm Sơn	106° 02'30.1"Đ	18°11'05.8"B
41		Sông Gia Hội tại chân cầu Hộ, thị trấn Cầm Xuyên	106° 00'50.9"Đ	18°14'28.4"B
42		Trước cống xả chính hồ Kê Gổ, xã Cầm Mỹ	105°55'35.2"Đ	18°11'40.2"B
43		Trước cống xả chính hồ Bộc Nguyên, xã Cầm Thạch	105°54'12.8"Đ	18°14'28.8"B
44		Đập Đá Hàn tại điểm cấp nước cho nhà máy nước Cầm Xuyên, xã Cầm Quan	105°58'28.0"Đ	18°13'39.8"B
45		Trước cống xả chính hồ Sông Rác, xã Cầm Lạc	106° 05'54.5"Đ	18°10'22.4"B
46	Huyện Kỳ Anh	Hồ Đá Cát, xã Kỳ Tân	106°15'14.0"Đ	18° 03'50.9"B
47		Sông Rào Trỏ tại đập dâng Lạc Tiến, xóm Lạc Tiến, xã Kỳ Lạc	106°12'06.3"Đ	17°58'56.5"B
48		Sông Nhà Lê tại Cầu Thượng, xã Kỳ Đồng	106°15'9.89"Đ	18°11'1.48"B
49		Hồ Mặc Khê, xã Kỳ Giang	106°12'24.3"Đ	18°09'42.4"B
50	TX. Kỳ Anh	Trước cống xả chính hồ Thượng Sông Trí, xã Kỳ Hoa	106°16'06.6"Đ	18° 01'13.1"B
51		Cống xả chính hồ Kim Sơn, xã Kỳ Hoa	106°16'16.2"Đ	18° 00'38.4"B
52		Sông Vịnh, tại cầu giao giữa Kỳ Hải và Kỳ Ninh	106°19'34.4"Đ	18° 06'29.3"B
53		Khe Lau tại cầu Khe Lau, phường Kỳ Liên (quốc lộ 1A)	106°24'11.3"Đ	18° 01'26.5"B
54		Khe Thầu Dầu tại cầu Thầu Dầu, phường Kỳ Phương (quốc lộ 1A)	106°26'40.1"Đ	18° 00'40.9"B
55		Sông Quyền tại đoạn cảng Cá Kỳ Hà, xã Kỳ Hà	106°20'29.5"Đ	18° 05'09.6"B
56		Khe Đá Hát tại cầu Khe Đá Hát, phường Kỳ Long (quốc lộ 1A)	106°22'30.1"Đ	18° 02'21.2"B
57		Khe Thanh Trạng tại cầu Thanh Trạng, phường Kỳ Liên, thị xã Kỳ Anh (quốc lộ 1A)	106°26'02.0"Đ	18° 00'50.0"B
58		Sông Trí tại cầu Kỳ Hưng, phường Hưng Trí	106°18'05.6"Đ	18° 04'44.9"B

TT	KHU VỰC	VỊ TRÍ QUAN TRẮC	KINH ĐỘ	VĨ ĐỘ
59		Sông Quyền tại cầu Tây Yên, xã Kỳ Lợi	106°22'34.9"Đ	18° 04'24.4"B
60		Trước cổng xã chính hồ Tàu Voi, phường Kỳ Thịnh	106°22'16.8"Đ	18° 02'37.3"B
61		Kênh thoát lũ tại thôn Thắng Lợi, phường Kỳ Phương	106°26'46.5"Đ	18° 00'50.6"B
<b>II VỊ TRÍ CÁC ĐIỂM QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG NƯỚC DƯỚI ĐẤT</b>				
1	Thành phố Hà Tĩnh	Hộ dân Hồ Sỹ Dương, xóm Đồng Tiến, xã Đồng Môn	105°55'19.6"Đ	18°22'19.6"B
2	Huyện Thạch Hà	Trạm y tế xã Phù Việt cũ, thôn Thống Nhất, xã Việt Tiến	105°50'00.4"Đ	18°23'34.1"B
3		Hộ dân Nguyễn Đình Từ, xóm Đại Tiến, xã Thạch Trị	105°59'32.6"Đ	18°22'06.7"B
4		Hộ dân Nguyễn Thị Quyên, thôn Trường Xuân, xã Đình Bàn (khu TĐC mỏ sắt Thạch Khê)	105°55'03.0"Đ	18°24'00.0"B
5		Hộ dân Trần Văn Hùng, thôn Vĩnh Cát, xã Lưu Vĩnh Sơn	105°50'05.2"Đ	18°19'57.5"B
6	Huyện Can Lộc	Hộ dân Võ Nhân Long, thôn Trung Hải, xã Thiên Lộc (Cụm Công nghiệp Hạ Vàng)	105°45'35.4"Đ	18°28'21.7"B
7		Hộ dân Trần Thế Từ, khối phố Thượng Liên, thị trấn Đồng Lộc	105°43'40.9"Đ	18°24'24.4"B
8		Hộ ông Phan Văn Lan, thôn Hồng Sơn, xã Phú Lộc	105°38'52.0"Đ	18°25'27.0"B
9	Thị xã Hồng Lĩnh	Hộ dân Lê Hồng Sơn, khối phố Tiên Sơn, phường Trung Lương (làng nghề Trung Lương)	105°40'29.9"Đ	18°33'33.0"B
10		Hộ dân Đinh Thị Ngọc Diệp, số nhà 18A, đường Phan Kinh, khối 4, phường Nam Hồng	105°42'42.9"Đ	18°31'05.3"B
11	Huyện Đức Thọ	Trạm y tế xã Đức Châu cũ, thôn Địa Châu, xã Tùng Châu	105°36'30.4"Đ	18°34'04.4"B
12		Hộ dân Lê Nghiêm, thôn Đông Xá, xã Hòa Lạc	105°33'59.3"Đ	18°30'06.7"B
13	Huyện Vũ Quang	Hộ dân Phạm Duy Tiên, khu TĐC Hới Trùng, xã Quang Thọ	105°32'17.3"Đ	18°19'15.1"B
14	Huyện Nghi	Hộ dân Hoàng Thị Ánh, xóm Hội Thủy, xã Xuân Hội	105°45'45.4"Đ	18°45'05.2"B



TT	KHU VỰC	VỊ TRÍ QUAN TRẮC	KINH ĐỘ	VĨ ĐỘ
15	Xuân	Hộ dân Đinh Văn Thắng, thôn Song Long, xã Cương Gián	105°50'33.2"Đ	18°33'36.2"B
16		Hộ dân Trần Văn Tình, thôn Trường An, xã Xuân Phổ (Vùng nuôi trồng thủy sản)	105°46'02.8"Đ	18°41'55.1"B
17		Hộ dân Trần Văn Bình, thôn Mỹ Lộc, xã Xuân Viên (Khu CN Gia Lách)	105°44'34.5"Đ	18°37'58.6"B
18		Hộ dân Nguyễn Văn Tăng, thôn Thanh Văn, xã Xuân Thành (Bãi rác Xuân Thành)	105°47'51.1"Đ	18°37'30.4"B
19	Huyện Lộc Hà	UBND xã Thạch Kim	105°55'01.6"Đ	18°27'32.6"B
20		Hộ dân Nguyễn Danh Lợi, thôn Tân Quý, xã Hộ Độ (Vùng nuôi trồng thủy sản)	105°52'53.3"Đ	18°24'27.3"B
21		Hộ dân Dương Văn Đường, thôn Thượng Phú, xã Hồng Lộc (Bãi rác xã Hồng Lộc)	105°49'08.0"Đ	18°30'08.0"B
22	Huyện Hương Sơn	Trạm Y tế xã Sơn Kim I	105°17'13.1"Đ	18°26'50.7"B
23		Hộ dân Trần Quốc Hường, xóm 10 Kim Cương I, xã Sơn Kim I (KCN Đại Kim)	105°15'47.0"Đ	18°27'02.6"B
24		Hộ dân Nguyễn Văn Lực, thôn Tân Thủy, xã Sơn Tây (Khu TĐC Hà Tân)	105°20'50.9"Đ	18°30'01.8"B
25		Trạm Y tế xã Sơn Thịnh cũ, xã An Hòa Thịnh	105°30'40.4"Đ	18°32'53.3"B
26	Huyện Hương Khê	Trạm Y tế xã Hương Thủy (Vùng thường xuyên bị ngập lụt)	105°41'50.7"Đ	18°13'50.4"B
27	Huyện Cẩm Xuyên	Hộ dân Trần Văn Xuân, thôn Xuân Nam, xã Cẩm Nhượng	105°06'45.6"Đ	18°16'11.2"B
28		Hộ dân Nguyễn Đình Khang, thôn 4, xã Cẩm Quan (Nhà máy rác Cẩm Quan)	105°59'36.3"Đ	18°13'59.3"B
29		Hộ dân Trần Hoàng Huệ, thôn 8, xã Cẩm Vĩnh (Cụm CCN Bắc Cẩm Xuyên)	105°56'20.0"Đ	18°17'48.4"B
30		Hộ dân Nguyễn Thị Búp, thôn lạc thọ xã Cẩm Lạc	106°05'11.4"Đ	18°10'57.3"B

TT	KHU VỰC	VỊ TRÍ QUAN TRẮC	KINH ĐỘ	VĨ ĐỘ
31	TX Kỳ Anh	Hộ dân Trần Minh Đức, thôn Bắc Hòa, xã Yên Hòa	105 <sup>0</sup> 01'40.1"Đ	18 <sup>0</sup> 20'15.1"B
32		Hộ dân Trần Đình Quân, xóm Tam Hải, xã Kỳ Ninh	106 <sup>0</sup> 20'54.2"Đ	18 <sup>0</sup> 06'53.1"B
33		Hộ dân Ngô Văn Chỗ, xóm Minh Đức, xã Kỳ Nam	106 <sup>0</sup> 29'23.7"Đ	17 <sup>0</sup> 57'56.0"B
34		Hộ dân Chu Văn Kiên, làng Hải Phong, xã Kỳ Lợi (Khu vực hậu cảng)	106 <sup>0</sup> 23'58,4"Đ	18 <sup>0</sup> 05'46.0"B
35		Hộ dân Hoàng Xuân Quế, phường Kỳ Phương (Khu TĐC Kỳ Phương)	106 <sup>0</sup> 26'12.3"Đ	18 <sup>0</sup> 00'20.5"B
36		Hộ dân Trần Thị Hương, TDP Tân Long, phường Kỳ Long (Khu TĐC Kỳ Long)	106 <sup>0</sup> 23'12.2"Đ	18 <sup>0</sup> 01'40.1"B
37		Trạm y tế phường Kỳ Trinh	106 <sup>0</sup> 19'40.8"Đ	18 <sup>0</sup> 03'20.0"B
38		Trạm y tế xã Kỳ Hà	106 <sup>0</sup> 19'57.1"Đ	18 <sup>0</sup> 05'33.1"B
39		Hộ dân Nguyễn Văn Phú, làng Hải Thanh, xã Kỳ Lợi	106 <sup>0</sup> 25'04.3"Đ	18 <sup>0</sup> 05'05.3"B
40		Hộ dân Lê Văn Dũng, tổ dân phố Độ Gỗ, Kỳ Thịnh (gần đập tràn hồ Tàu Voi)	106 <sup>0</sup> 22'36.1"Đ	18 <sup>0</sup> 02'23.2"B
41		Hộ dân Lê Quang Vinh, tổ dân phố Long Sơn, phường Kỳ Long	106 <sup>0</sup> 23'22.1"Đ	18 <sup>0</sup> 02'17.1"B
42		Nhà máy thủy sản Nam Hà Tĩnh, khu CN Vũng Áng I, phường Kỳ Thịnh	106 <sup>0</sup> 21'44.7"Đ	18 <sup>0</sup> 03'06.3"B
43		Hộ dân Nguyễn Tiến Đào, thôn Thắng Lợi, phường Kỳ Phương	106 <sup>0</sup> 26'47.0"Đ	18 <sup>0</sup> 00'45.0"B
44		Hộ dân Nguyễn Huy Quế, phường Kỳ Trinh (vùng nuôi trồng thủy sản)	106 <sup>0</sup> 20'02.7"Đ	18 <sup>0</sup> 03'31.5"B
45	Huyện Kỳ Anh	Trạm y tế xã Kỳ Xuân	106 <sup>0</sup> 11'07.5"Đ	18 <sup>0</sup> 15'06.8"B
46		Hộ dân Võ Tiến Phong, thôn Nam Phong, xã Kỳ Phong	106 <sup>0</sup> 09'36.9"Đ	18 <sup>0</sup> 10'37.6"B
47		Hộ dân Nguyễn Xuân Mậu, thôn Trung Tiến, xã Kỳ Khang	106 <sup>0</sup> 17'29.2"Đ	18 <sup>0</sup> 10'06.0"B
III VỊ TRÍ CÁC ĐIỂM QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG NƯỚC BIỂN VEN BỜ				
1	Huyện Nghi Xuân	Cửa Hội, xã Xuân Hội	105 <sup>0</sup> 45'17.9"Đ	18 <sup>0</sup> 45'18.3"B
2		Bãi tắm Xuân Thành, xã Xuân Thành	105 <sup>0</sup> 48'28.2"Đ	18 <sup>0</sup> 38'33.8"B
3		Biển Cương Gián, xã Cương Gián	105 <sup>0</sup> 50'24.8"Đ	18 <sup>0</sup> 34'29.4"B
4	Huyện Lộc	Cửa Sốt, xã Thạch Kim	105 <sup>0</sup> 55'26.4"Đ	18 <sup>0</sup> 27'06.3"B

TT	KHU VỰC	VỊ TRÍ QUAN TRẮC	KINH ĐỘ	VĨ ĐỘ
5	Hà	Bãi tắm Xuân Hải, thị trấn Lộc Hà, huyện Lộc Hà	105°54'34.0"Đ	18°28'19.1"B
6	Huyện	Bãi tắm Thạch Hải, xã Thạch Hải	105°58'45.0"Đ	18°24'06.4"B
7	Thạch Hà	Bãi tắm Thiên Cầm, thị trấn Thiên Cầm	106°05'43.7"Đ	18°16'46.5"B
8	Huyện Cẩm Xuyên	Cửa Nhượng, xã Cẩm Nhượng	106°06'55.7"Đ	18°16'04.1"B
9	Xuyên	Biển Cầm Hòa, xã Yên Hòa	106°02'15.7"Đ	18°20'05.9"B
10	Huyện Kỳ Anh	Bãi tắm Kỳ Xuân, xã Kỳ Xuân	106°12'12.0"Đ	18°14'23.7"B
11	Anh	Bãi tắm Kỳ Ninh, xã Kỳ Ninh	106°20'00.9"Đ	18°07'47.1"B
12	Thị xã Kỳ Anh	Cửa Khẩu, xã Kỳ Ninh	106°21'35.6"Đ	18°06'44.0"B
13		Biển Vũng Môn (phía Bắc cảng Sơn Dương), xã Kỳ Lợi	106°25'37.6"Đ	18°05'58.8"B
14		Biển Vũng Áng, xã Kỳ Lợi (cách cảng xuất nhập xăng dầu khoảng 1,0 km phía xa bờ)	106°24'22.6"Đ	18°07'04.8"B
15		Bãi tắm Mũi Dao, xã Kỳ Nam	106°29'11.7"Đ	17°58'58.9"B
IV	VỊ TRÍ CÁC ĐIỂM QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG KHÔNG KHÍ XUNG QUANH VÀ TIẾNG ÒN			
1	Thành phố Hà Tĩnh	Cổng chợ Hà Tĩnh (cổng số 2), phường Nam Hà, thành phố Hà Tĩnh	105°54'13.9"Đ	18°20'16.7"B
2		Trước cổng UBND tỉnh, phường Tân Giang, thành phố Hà Tĩnh (Công viên trung tâm)	105°54'20.1"Đ	18°20'32.9"B
3		Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh (Tượng đài Trần Phú), phường Nguyễn Du	105°53'31.0"Đ	18°21'03.0"B
4		Ngã tư Trần Phú giao với Hàm Nghi đoạn trước khách sạn Vincom, phường Hà Huy Tập	105°53'45.1"Đ	18°20'16.2"B
5	Huyện Thạch Hà	Gần bến xe Hà Tĩnh mới (đoạn giao đường Hàm Nghi và đường tránh thành phố Hà Tĩnh), xã Thạch Đài	105°52'33.0"Đ	18°19'26.0"B
6		Đường tránh thành phố Hà Tĩnh tại xã Thạch Long	105°50'39.0"Đ	18°23'10.0"B
7		Ngã tư Thạch Khê, xã Thạch Khê	105°56'53.0"Đ	18°22'57.0"B
8	Huyện Can Lộc	Ngã ba Đồng Lộc, thị trấn Đồng Lộc	105°44'22.3"Đ	18°24'07.9"B

TT	KHU VỰC	VỊ TRÍ QUAN TRẮC	KINH ĐỘ	VĨ ĐỘ
9	Lộc	Thị trấn Nghèn (đoạn giao giữa quốc lộ 1A và ĐT.548)	105°46'33.4"Đ	18°27'10.6"B
10		Ngã tư Hạ Vàng (đoạn giao quốc lộ 1A và đường An Vượng), xã Thiên Lộc	105°45'29.7"Đ	18°28'29.5"B
11		Cụm công nghiệp Yên Huy, thôn Trảng Sơn, xã Khánh Vĩnh Yên	105°42'24.4"Đ	18°27'46.2"B
12	Thị xã Hong Lĩnh	Cụm tiểu thủ công nghiệp Cống Khánh	105°43'41.5"Đ	18°32'01.8"B
13		Làng nghề Trung Lương, phường Trung Lương	105°41'01.3"Đ	18°33'35.4"B
14		Ngã tư Đậu Liêu, phường Đậu Liêu	105°43'27.8"Đ	18°30'31.1"B
15		Ngã ba Bãi Vọt, phường Bắc Hồng	105°42'21.7"Đ	18°31'47.9"B
16		Cụm Công nghiệp Nam Hồng (đoạn trước nhà máy sợi)	105°42'44.4"Đ	18°30'43.6"B
17	Huyện Đức Thọ	Ngã tư quán Bà Viên, thị trấn Đức Thọ	105°35'8.1"Đ	18°31'12.6"B
18		Đường vào làng nghề Thái Yên, xã Thanh Bình Thịnh (cụm sản xuất tiểu thủ công nghiệp tập trung Thái Yên)	105°39'43.0"Đ	18°31'36.0"B
19		Đường sắt Bắc Nam đi qua xã Tùng Châu	105°36'00.0"Đ	18°34'19.8"B
20	Huyện Nghi Xuân	Ngã ba Gia Lách, thị trấn Xuân An	105°42'44.1"Đ	18°38'26.4"B
21		Khu công nghiệp Gia Lách, thị trấn Xuân An	105°43'50.7"Đ	18°37'43.4"B
22		Quảng trường khu di tích Nguyễn Du, thị trấn Tiên Điền	105°45'55.9"Đ	18°39'52.4"B
23	Huyện Lộc Hà	Ngã tư thị trấn Lộc Hà (đường xuống UBND huyện)	105°54'00.9"Đ	18°27'05.9"B
24		Chợ cá Thạch Kim, xã Thạch Kim	105°55'11.9"Đ	18°27'05.6"B
25	Huyện Hương Sơn	Cổng A cửa khẩu quốc tế Cầu Treo, xã Sơn Kim 1, (trước sân trạm biên phòng).	105°09'31.9"Đ	18°23'27.4"B
26		Ngã tư thị trấn Phố Châu (trước cổng Bưu điện)	105°25'25.0"Đ	18°30'42.0"B
27		Ngã tư thị trấn Tây Sơn (trước Trung tâm thương mại)	105°18'04.8"Đ	18°27'29.0"B
28		Khu vực xây dựng Khu công nghiệp Đại Kim, xã Sơn Kim 1	105°15'47.8"Đ	18°27'03.0"B
29		Đường Hồ Chí Minh đoạn qua cầu Khe Cò xã Sơn Tiến	105°26'38.1"Đ	18°34'43.1"B
30	Huyện	Đường Hồ Chí Minh tại cầu La Khê, xã Hương Trạch	105°49'02.1"Đ	18°04'00.4"B

TT	KHU VỰC	VỊ TRÍ QUAN TRẮC	KINH ĐỘ	VĨ ĐỘ
31	Hương Khê	Ngã ba trước Bưu điện huyện Hương Khê, thị trấn Hương Khê	105°42'12.0"E	18°10'21.7"B
32		Ngã ba Phúc Đồng giao quốc lộ 15 và đường Hồ Chí Minh	105°39'17.1"E	18°15'32.2"B
33	Huyện Vũ Quang	Ngã tư trước công viên thị trấn Vũ Quang	105°30'23.0"E	18°23'01.2"B
34		Cụm CN Vũ Quang (thôn 1, xã Thọ Điền)	105°28'14.5"E	18°24'25.3"B
35		Khu du lịch Thiên Cầm đoạn trước khách sạn Công Đoàn	106°05'41.4"E	18°16'42.7"B
36	Huyện Cẩm Xuyên	Đường vào Nhà máy xử lý rác Cẩm Quan, xã Cẩm Quan	105°59'30.8"E	18°13'24.2"B
37		Ngã ba thị trấn Cẩm Xuyên (Giao quốc lộ 1A và ĐT.551)	106°00'01.4"E	18°15'01.7"B
38		Ngã ba quốc lộ 1A và đường tránh thành phố Hà Tĩnh tại xã Cẩm Vinh	105°56'06.5"E	18°18'00.4"B
39		Ngã ba Việt Lào, phường Hưng Trí	106°17'22.0"E	18°04'31.9"B
40		Ngã tư Vũng Áng, phường Kỳ Trinh	106°21'23.8"E	18°02'58.2"B
41		Ngã ba giao giữa đường vào hầm Đèo Ngang và đường lên núi Đèo Ngang, xã Kỳ Nam	106°28'16.0"E	17°58'03.0"B
42		Khu di tích Nguyễn Thị Bích Châu, xã Kỳ Ninh	106°20'51.7"E	18°06'46.3"B
43		Khu dân cư Tây Yên gần giáo xứ Dũ Yên, xã Kỳ Lợi	106°22'34.9"E	18°04'30.9"B
44		Ngã ba giao đường xuống cảng Vũng Áng và đường vào cảng Sơn Dương, xã Kỳ Lợi	106°24'10.3"E	18°05'17.0"B
45	Thị xã Kỳ Anh	Cổng trường tiểu học Kỳ Phương cũ, phường Kỳ Phương	106°26'21.2"E	18°00'50.7"B
46		Quốc lộ 1A giao với đường vào cổng chính Công ty Formosa; phường Kỳ Liên	106°24'20.0"E	18°01'20.0"B
47		Gần cổng chính vào cụm Công nghiệp Kỳ Hưng, phường Hưng Trí	106°18'21.0"E	18°02'43.3"B
48		Khu tái định cư xã Kỳ Lợi tại phường Kỳ Trinh	106°18'53.2"E	18°02'43.9"B
49		Ngã ba giao quốc lộ 1A và đường bao phía Tây, thôn Ba Đồng, phường Kỳ Phương	106°27'56.1"E	17°59'43.2"B
50		Đường bao phía Tây tại điểm giao với đường nối quốc lộ 1A (gần khu công nghiệp Phú Vinh), phường Kỳ Liên	106°23'49.1"E	18°00'52.7"B

TT	KHU VỰC	VỊ TRÍ QUAN TRẮC	KINH ĐỘ	VĨ ĐỘ
51	Huyện Kỳ Anh	Tại ngã ba đường giữa Tổng kho khí hóa lỏng và cầu cảng xuất nhập xăng dầu, xã Kỳ Lợi	106°24'38.7"Đ	18°06'48.9"B
52		Đường trục dọc phía trước cổng trạm điện 110KV, phường Kỳ Thịnh	106°22'14.2"Đ	18°03'35.6"B
53		Ngã ba Kỳ Văn (giao quốc lộ 1A và đường tránh thị xã Kỳ Anh), xã Kỳ Văn	106°16'02.4"Đ	18°06'27.8"B
54		Khu dân cư thôn Nam Xuân Sơn, xã Kỳ Tân	106°15'29.1"Đ	18°02'29.0"B
55		Ngã ba Thị tứ Voi, xã Kỳ Phong	106°10'03.0"Đ	18°11'53.5"B
56		Ngã tư đường 70 và đường vào UBND huyện Kỳ Anh, xã Kỳ Đồng	106°14'03.5"Đ	18°10'37.4"B
<b>V</b>	<b>VỊ TRÍ CÁC ĐIỂM QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG ĐẤT</b>			
1	Thành phố Hà Tĩnh	Khu đất tại Cụm công nghiệp Thạch Đồng	105°55'16.2"Đ	18°21'48.8"B
2	Huyện Thạch Hà	Xóm 3, xã Thạch Trị	105°59'24.3"Đ	18°22'17.3"B
3	Thị xã Hồng Lĩnh	Làng nghề Trung Lương, phường Trung Lương	105°41'7.2"Đ	18°33'37.9"B
4		Khu đất giữa bãi rác thị xã Hồng Lĩnh và khu công nghiệp Nam Hồng.	105°42'31.8"Đ	18°30'35.5"B
5	Huyện Can Lộc	Bãi rác huyện Can Lộc, thị trấn Nghèn	105°47'26"Đ	18°27'20"B
6	Huyện Nghi Xuân	Khu công nghiệp Gia Lách, thị trấn Xuân An	105°43'26"Đ	18°37'51.9"B
7	Huyện Lộc Hà	Vùng nuôi trồng thủy sản Hà Voọc, xã Hộ Độ	105°52'46.1"Đ	18°24'29.9"B
8	Huyện Đức Thọ	Cụm Công nghiệp Yên Trung Đức Thọ	105°34'57.8"Đ	18°30'53.9"B
9	Huyện Hương Sơn	Làng Chè, xã Sơn Kim II	105°18'53.5"Đ	18°25'45.0"B



TT	KHU VỰC	VỊ TRÍ QUAN TRẮC	KINH ĐỘ	VĨ ĐỘ
10	Huyện Hương Khê	Xóm Vĩnh Hưng, xã Hương Vĩnh	105°38'09.3"Đ	18°07'32.9"B
11	Huyện Vũ Quang	Vùng trồng cam xã Thọ Điền	105°28'58"Đ	18°25'31"B
12	Huyện Cẩm Xuyên	Cụm công nghiệp Bắc Cẩm Xuyên, xã Cẩm Vĩnh	105°56'12.5"Đ	18°17'33.8"B
13	Xuyên	Cạnh Nhà máy xử lý rác thải Cẩm Quan, xã Cẩm Quan	105°59'35.3"Đ	18°13'22.3"B
14	Thị xã Kỳ Anh	Khu công nghiệp Vũng Áng I, phường Kỳ Thịnh	106°21'44.1"Đ	18°03'03.2"B
15	Anh	Khu đất cạnh KCN Phú Vinh, phường Kỳ Liên	106°22'46.2"Đ	18°01'06.7"B
16	Huyện Kỳ Anh	Vùng trồng cây lâm nghiệp, nông nghiệp, xã Lâm Hợp	106°11'33.1"Đ	18°00'27.6"B
17	Anh	Khu vực đặt Nhà máy xử lý chất thải rắn, chất thải nguy hại tại xã Kỳ Tân	106°15'25.5"Đ	18°02'12.2"B
VI VỊ TRÍ CÁC ĐIỂM QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG TRẦM TÍCH				
A Trầm tích nước mặn, nước lợ				
1	Huyện Nghi Xuân	Cửa Hội, xã Xuân Hội	105°45'17.9"Đ	18°45'18.3"B
2	Huyện Lộc Hà	Cửa Sốt, xã Thạch Kim	105°55'26.4"Đ	18°27'6.3"B
3	Huyện Cẩm Xuyên	Cửa Nhượng, xã Cẩm Nhượng	106°06'55.7"Đ	18°16'4.1"B
4	Thị xã Kỳ Anh	Cửa Khẩu, Xã Kỳ Ninh	106°21'35.6"Đ	18°06'44"B
5		Biển Vũng Áng, xã Kỳ Lợi (cách cảng xuất nhập xăng dầu khoảng 1,0 km phía xa bờ)	106°24'22.6"Đ	18°07'4.8"B
6		Ấu thuyền Kỳ Phương, phường Kỳ Phương	106°27'59.6"Đ	18°00'25.6"B
7		Biển Vũng Môn (phía Bắc cảng Sơn Dương), xã Kỳ Lợi	106°25'37.6"Đ	18°5'58.8"B
B Trầm tích nước ngọt				

TT	KHU VỰC	VỊ TRÍ QUAN TRẮC	KINH ĐỘ	VĨ ĐỘ
8	Huyện Đức Thọ	Sông La tại cầu Linh Cảm II, xã Tùng Ảnh	105°33'17.2"Đ	18°31'45.0"B
9	Thị xã Hồng Lĩnh	Kênh Nhà Lê tại cống Trung Lương, phường Trung Lương.	105°40'01.7"Đ	18°33'39.4"B
10	Huyện Vũ Quang	Sông Ngàn Trươi cách điểm hợp lưu với Sông Ngàn Sâu 300m về phía thượng nguồn tại xã Đức Liên	105°36'14.0"Đ	18°21'51.5"B
11	Huyện Hương Sơn	Sông Ngàn Phố đoạn chảy qua xóm Tân Hồ, xã Tân Mỹ Hà	105°32'33.3"Đ	18°32'37.8"B
12	Huyện Thạch Hà	Sông Nghèn tại cống Đò Diệm, xã Thạch Sơn	105°51'59.5"Đ	18°24'53.9"B

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH 